

CÔNG TY CỔ PHẦN BMI MINERALS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BMI MINERALS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BMI MINERALS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BMI M JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110880822

3. Ngày thành lập: 04/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 10, toà nhà CEO, HH2-1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0383310356

Fax:

Email: bpl@bajajin.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) các hàng hoá theo quy định pháp luật (CPC 622) Nhà đầu tư nước ngoài/tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018	4690(Chính)
2.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không lập cơ sở bán lẻ) các hàng hoá theo quy định của pháp luật (CPC 632) Nhà đầu tư nước ngoài/tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018	4799
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định của pháp luật Nhà đầu tư nước ngoài/tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018	8299

6. Vốn điều lệ: 3.997.630.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 399.763

8. Cổ đông sáng lập:

Thời gian đăng từ ngày 05/11/2024 đến ngày 05/12/2024

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BAJAJ PLAST PRIVATE LIMITED	Lô số 254, Near Pandit Bungalow Civil Lines Nagpur, Nagpur MH 440001, Ấn Độ	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	U25111MH 2009PTC19 4878	
			Cổ phần phổ thông	49.970	499.703.750	12,500		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	49.970	499.703.750	12,500		
2	BAJAJ POLYBLEND PRIVATE LIMITED	5F Everset 46/C Chowringhee đường PS Shakespeare Sarani Kolkata WB 700071, Ấn Độ	Cổ phần phổ thông	299.822	2.998.222.000	75,000	U83994WB 1997PTC08 3994	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	299.822	2.998.222.000	75,000		

3	BAJAJ MASTERBAT CHES PRIVATE LIMITED	5F Everset 46/C Chowringhee đường PS Shakespeare Sarani Kolkata WB 700071, Ấn Độ	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	U25190WB 2014PTC19 9554
			Cổ phần phổ thông	49.970	499.703.750	12,500	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	49.970	499.703.750	12,500	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	BAJAJ MASTERBAT CHES PRIVATE LIMITED	5F Everset 46/C Chowringhee đường PS Shakespeare Sarani Kolkata WB 700071, Ấn Độ, Ấn Độ	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	U25190WB 2014PTC19 9554	
			Cổ phần phổ thông	49.970	499.703.750	12,500		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	49.970	499.703.750	12,500		

